

Bài 1 sách giáo khoa toán lớp 4 trang 170

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1 yến = ... kg 1 tạ = ... yến

1 tạ = ... kg 1 tấn = ... tạ

1 tấn = ... kg 1 tấn = ... yến

Phương pháp giải:

Dựa vào bảng đơn vị đo khối lượng:

Bảng đơn vị đo khối lượng						
Lớn hơn ki-lô-gram			Ki-lô-gram	Nhỏ hơn ki-lô-gram		
Tấn	Tạ	Yến	Kg	hg	dag	g
1 tấn	1 tạ	1 yến	1kg	1hg	1 dag	1g
=10 tạ	=10 yến	=10kg	=10 hg	=10dag		
=1000kg	=100kg		=1000g	=100g	=10g	

Lời giải chi tiết:

1 yến = 10kg 1 tạ = 10 yến

1 tạ = 100kg 1 tấn = 10 tạ

1 tấn = 1000kg 1 tấn = 100 yến

Giải bài toán lớp 4 trang 170 bài 2

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 10 yến = ... kg 1212 yến = ... kg

50kg = yến 1 yến 8kg = ... kg

b) 5 tạ = ... yến 1500kg = ... tạ

30 yến = ... tạ 7 tạ 20kg = kg

c) 32 tấn = ... tạ 4000kg = ... tấn

230 tạ = ... tấn 3 tấn 25kg = ... kg

Phương pháp giải:

Dựa vào bảng đơn vị đo khối lượng:

Bảng đơn vị đo khối lượng						
Lớn hơn ki-lô-gram			Ki-lô-gram	Nhỏ hơn ki-lô-gram		
Tấn	Tạ	Yến	Kg	hg	dag	g
1 tấn	1 tạ	1 yến	1kg	1hg	1 dag	1g
=10 tạ	=10 yến	=10kg	=10 hg	=10dag	=10g	
=1000kg	=100kg		=1000g	=100g		

Lời giải chi tiết:

- a) $10 \text{ yến} = 100\text{kg}$ $1212 \text{ yến} = 5\text{kg}$
 $50\text{kg} = 5 \text{ yến}$ $1 \text{ yến } 8\text{kg} = 18\text{kg}$
- b) $5 \text{ tạ} = 50 \text{ yến}$ $1500\text{kg} = 15 \text{ tạ}$
 $30 \text{ yến} = 3 \text{ tạ}$ $7 \text{ tạ } 20\text{kg} = 720\text{kg}$
- c) $32 \text{ tấn} = 320 \text{ tạ}$ $4000\text{kg} = 4 \text{ tấn}$
 $230 \text{ tạ} = 23 \text{ tấn}$ $3 \text{ tấn } 25\text{kg} = 3025\text{kg}$

Toán lớp 4 ôn tập về các phép tính với phân số tiếp theo trang 170 bài 3

Điền dấu thích hợp (> ; < ; =) vào chỗ chấm:

- $2\text{kg } 7 \text{ hg} \dots 2700\text{g}$ $60\text{kg } 7\text{g} \dots 6007\text{g}$
 $5\text{kg } 3\text{g} \dots 5035\text{g}$ $12 \text{ } 500\text{g} \dots 12\text{kg } 500\text{g}$

Phương pháp giải:

Đổi các số đo về cùng một đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.

Lời giải chi tiết:

- +) $2\text{kg } 7 \text{ hg} = 27\text{hg} = 2700\text{g}$.
 Vậy: $2\text{kg } 7 \text{ hg} = 2700\text{g}$.
- +) $60\text{kg } 7\text{g} = 60 \text{ } 007\text{g}$. Mà $60 \text{ } 007\text{g} > 6007\text{g}$.
 Vậy: $60\text{kg } 7\text{g} > 6007\text{g}$.
- +) $5\text{kg } 3\text{g} = 5003\text{g}$. Mà $5003\text{g} < 5035\text{g}$.
 Vậy: $5\text{kg } 3\text{g} < 5035\text{g}$.
- +) $12 \text{ } 500\text{g} = 12 \text{ } 000\text{g} + 500\text{g} = 12\text{kg} + 500\text{g} = 12\text{kg } 500\text{g}$.
 Vậy $12 \text{ } 500\text{g} = 12\text{kg } 500\text{g}$

Ôn tập về các phép tính với phân số trang 170 bài 4

Một con cá cân nặng 1kg 700g, một bó rau cân nặng 300g. Hỏi cả cá và rau cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Phương pháp giải:

Đổi: 1kg 700g = 1700g

Cân nặng của cả rau và cá = cân nặng của bó rau + cân nặng của con cá.

Đổi kết quả vừa tìm được sang đơn vị đo là ki-lô-gam, lưu ý rằng 1kg = 1000g.

Lời giải chi tiết:

Đổi: 1kg 700g = 1700g

Cả cá và rau cân nặng số ki-lô-gam là:

$$1700 + 300 = 2000 \text{ (g)}$$

$$2000\text{g} = 2\text{kg}$$

Đáp số: 2kg.

Bài 5 Toán lớp 4 ôn tập về đại lượng trang 170

Một xe ô tô chở được 32 bao gạo, mỗi bao cân nặng 50kg. Hỏi chiếc xe đó chở được tất cả bao nhiêu tạ gạo ?

Phương pháp giải:

Cân nặng của 32 bao gạo = cân nặng của 1 bao gạo \times 32.

Đổi kết quả vừa tìm được sang đơn vị đo là tạ, lưu ý rằng 1 tạ = 100kg

Lời giải chi tiết:

Xe ô tô chở được tất cả số gạo là:

$$50 \times 32 = 1600 \text{ (kg)}$$

$$1600\text{kg} = 16 \text{ tạ}$$

Đáp số: 16 tạ gạo.